

**QUYẾT ĐỊNH**

**Triển khai thực hiện Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về danh mục dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2018**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 09 tháng 12 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Quảng Nam Khóa IX, Kỳ họp thứ 6 về danh mục dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2018;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 58/TTr-TNMT ngày 24/01/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Triển khai thực hiện danh mục dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2018 trên địa bàn tỉnh tại Điều 1 Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh Khóa IX, kỳ họp thứ 6 gồm các nội dung như sau:

1. Chuyển mục đích sử dụng đất lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2018 có 373 danh mục. Trong đó, 292 danh mục dự án sử dụng vốn ngân sách với tổng diện tích 965,48 ha (đất chuyên trồng lúa nước: 112,53 ha; đất trồng lúa nước còn lại: 31,87 ha; đất rừng phòng hộ: 165,61 ha) và 81 danh mục dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách với tổng diện tích 131,78 ha (đất chuyên trồng lúa nước: 32,04 ha; đất trồng lúa nước còn lại: 10,26 ha), cụ thể:

TT	Danh mục công trình	Tổng diện tích công trình có SD đất lúa, RPH, RĐĐ	Tổng diện tích đất lúa, RPH, RĐĐ xin CMTĐ	Trong đó			
				Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	<b>TOÀN TỈNH: 373</b>	<b>1.097,26</b>	<b>352,46</b>	<b>144,57</b>	<b>42,13</b>	<b>165,61</b>	
	Sử dụng vốn NS: 292	965,48	310,16	112,53	31,87	165,61	
	Sử dụng vốn ngoài NS: 81	131,78	42,30	32,04	10,26		

<b>1</b>	<b>THÀNH PHỐ TAM KỶ: 7</b>	<b>2,91</b>	<b>2,34</b>	<b>2,24</b>	<b>0,1</b>	-	-
	Sử dụng vốn NS: 3	1,6	1,1	1,0	0,1		
	Sử dụng vốn ngoài NS: 4	1,31	1,24	1,24	-	-	-
<b>2</b>	<b>THÀNH PHỐ HỘI AN: 3</b>	<b>2,01</b>	<b>0,97</b>	<b>0,97</b>			
	Sử dụng vốn NS: 3	2,01	0,97	0,97			
	Sử dụng vốn ngoài NS: 0	-	-	-	-	-	-
<b>3</b>	<b>HUYỆN ĐẠI LỘC: 29</b>	<b>123,44</b>	<b>32,54</b>	<b>17,28</b>	<b>13,76</b>	-	-
	Sử dụng vốn NS: 23	103,34	25,35	15,06	8,79	-	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 6	20,10	7,19	2,22	4,97	-	-
<b>4</b>	<b>HUYỆN THĂNG BÌNH: 60</b>	<b>108,42</b>	<b>46,14</b>	<b>5,24</b>	<b>2,9</b>	<b>38,0</b>	-
	Sử dụng vốn NS: 21	105,82	43,6	4,1	1,5	38,0	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 39	2,6	2,54	1,14	1,4	-	-
<b>5</b>	<b>THỊ XÃ ĐIỆN BÀN: 37</b>	<b>35,04</b>	<b>36,49</b>	<b>34,59</b>	<b>1,99</b>	-	-
	Sử dụng vốn NS: 29	25,92	17,49	17,49	-	-	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 8	9,12	19,0	17,01	1,99	-	-
<b>6</b>	<b>HUYỆN BẮC TRÀ MY : 8</b>	<b>6,53</b>	<b>5,48</b>	<b>5,43</b>	<b>0,05</b>	-	-
	Sử dụng vốn NS: 5	2,83	1,78	1,73	0,05	-	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 3	3,70	3,70	3,70	-	-	-
<b>7</b>	<b>HUYỆN NAM TRÀ MY: 5</b>	<b>247,65</b>	<b>113,35</b>	<b>1,35</b>	-	<b>110</b>	-
	Sử dụng vốn NS: 5	247,65	111,35	1,35	-	110	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 0	-	-	-	-	-	-
<b>8</b>	<b>HUYỆN ĐÔNG GIANG: 3</b>	<b>6,87</b>	<b>0,9</b>	-	<b>0,9</b>	-	-
	Sử dụng vốn NS: 3	6,87	0,9	-	0,9	-	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 0	-	-	-	-	-	-
<b>9</b>	<b>HUYỆN NAM GIANG: 5</b>	<b>2,3</b>	<b>0,49</b>	-	<b>0,49</b>	-	-
	Sử dụng vốn NS: 5	2,3	0,49	-	0,49	-	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 0	-	-	-	-	-	-
<b>10</b>	<b>HUYỆN NÔNG SƠN :6</b>	<b>12,79</b>	<b>2,6</b>	-	<b>2,6</b>	-	-
	Sử dụng vốn NS: 4	9,85	1,8	-	1,8	-	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 2	2,94	0,8	-	0,8	-	-
<b>11</b>	<b>HUYỆN PHƯỚC SƠN : 9</b>	<b>14,82</b>	<b>1,2</b>	<b>1,2</b>	-	-	-
	Sử dụng vốn NS: 9	14,82	1,2	1,2	-	-	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 0	-	-	-	-	-	-
<b>12</b>	<b>HUYỆN PHÚ NINH: 20</b>	<b>16,98</b>	<b>8,03</b>	<b>5,68</b>	<b>2,35</b>	-	-
	Sử dụng vốn NS: 20	16,98	8,03	5,68	2,35	-	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 0	-	-	-	-	-	-
<b>13</b>	<b>HUYỆN DUY XUYẾN: 43</b>	<b>109,54</b>	<b>43,21</b>	<b>32,92</b>	<b>4,75</b>	<b>6,89</b>	-
	Sử dụng vốn NS: 41	106,99	41,37	31,12	4,71	6,89	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 2	2,55	1,84	1,80	0,04	-	-

<b>14</b>	<b>HUYỆN HIỆP ĐỨC: 23</b>	<b>85,79</b>	<b>5,6</b>	<b>3,97</b>	<b>1,63</b>		
	Sử dụng vốn NS: 21	25,79	4,85	3,52	1,33	-	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 2	60,0	0,75	0,45	0,3	-	-
<b>15</b>	<b>HUYỆN NÚI THÀNH: 31</b>	<b>222,75</b>	<b>19,47</b>	<b>16,19</b>	<b>3,28</b>		
	Sử dụng vốn NS: 30	219,25	19,15	16,03	3,12	-	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 1	3,5	0,32	0,16	0,16	-	-
<b>16</b>	<b>HUYỆN QUẾ SƠN: 42</b>	<b>28,59</b>	<b>11,2</b>	<b>9,46</b>	<b>1,74</b>		
	Sử dụng vốn NS: 33	23,18	7,18	5,44	1,74	-	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 9	5,41	4,02	4,02	-	-	-
<b>17</b>	<b>HUYỆN TÂY GIANG: 3</b>	<b>26,12</b>	<b>11,02</b>	<b>0,3</b>	<b>-</b>	<b>10,72</b>	<b>-</b>
	Sử dụng vốn NS: 3	26,12	11,02	0,3	-	10,72	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 0	-	-	-	-	-	-
<b>18</b>	<b>HUYỆN TIỀN PHƯỚC: 39</b>	<b>44,71</b>	<b>13,43</b>	<b>7,84</b>	<b>5,59</b>		
	Sử dụng vốn NS: 34	24,16	12,53	7,54	4,99	-	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 5	20,55	0,9	0,3	0,6	-	-

(Chi tiết Phụ lục 1, 1a đính kèm Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh)

2. Dự án thu hồi đất năm 2018 gồm có 2.046 danh mục. Trong đó, 1.652 danh mục dự án sử dụng vốn ngân sách với tổng diện tích 3.273,16 ha (đất chuyên trồng lúa nước: 236,51 ha; đất trồng lúa nước còn lại: 72,71 ha; đất rừng phòng hộ: 103,11 ha; rừng đặc dụng: 6,4 ha) và 394 danh mục dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách với tổng diện tích 2.841,79 ha (đất chuyên trồng lúa nước: 215,02 ha; đất trồng lúa nước còn lại: 55,43 ha; đất rừng phòng hộ: 20,25 ha; đất rừng đặc dụng: 6,0 ha), cụ thể:

TT	Danh mục công trình	Tổng diện tích công trình có SD đất lúa, RPH, RDD	Tổng diện tích đất lúa, RPH, RDD xin THĐ	Trong đó			
				Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	<b>TOÀN TỈNH: 2046</b>	<b>6.114,95</b>	<b>615,46</b>	<b>451,56</b>	<b>128,14</b>	<b>123,36</b>	<b>12,4</b>
	Sử dụng vốn NS: 1652	3.273,16	318,73	236,51	72,71	103,11	6,4
	Sử dụng vốn ngoài NS: 394	2.841,79	296,73	215,05	55,43	20,25	6,0
<b>1</b>	<b>THÀNH PHỐ TAM KỶ 98</b>	<b>283,08</b>	<b>108,85</b>	<b>99,2</b>	<b>6,65</b>	<b>3,0</b>	<b>-</b>
	Sử dụng vốn NS: 81	115,99	27,11	24,36	2,75	-	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 17	167,09	81,74	74,84	3,9	3,0	-
<b>2</b>	<b>THÀNH PHỐ HỘI AN: 37</b>	<b>64,3</b>	<b>0,97</b>	<b>0,97</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	Sử dụng vốn NS: 36	45,50	0,97	0,97	-	-	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 01	18,8	-	-	-	-	-

<b>3</b>	<b>HUYỆN ĐẠI LỘC : 116</b>	<b>318,64</b>	<b>67,08</b>	<b>37,21</b>	<b>29,87</b>		
	Sử dụng vốn NS: 99	209,50	53,35	36,49	16,86	-	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 17	109,14	13,73	0,72	13,01	-	-
<b>4</b>	<b>HUYỆN THĂNG BÌNH: 178</b>	<b>483,05</b>	<b>61,06</b>	<b>18,15</b>	<b>1,76</b>	<b>41,0</b>	<b>-</b>
	Sử dụng vốn NS: 146	430,30	60,97	18,06	1,76	41,0	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 32	52,75	0,09	0,09	-	-	-
<b>5</b>	<b>THỊ XÃ ĐIỆN BÀN: 172</b>	<b>795,69</b>	<b>119,89</b>	<b>118,61</b>	<b>1,28</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	Sử dụng vốn NS: 108	189,47	33,90	32,62	1,28	-	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 64	606,22	85,99	85,99	-	-	-
<b>6</b>	<b>HUYỆN BẮC TRÀ MY: 57</b>	<b>70,39</b>	<b>1,78</b>	<b>1,73</b>	<b>0,05</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	Sử dụng vốn NS: 57	70,39	1,78	1,73	0,05	-	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 0	-	-	-	-	-	-
<b>7</b>	<b>HUYỆN NAM TRÀ MY : 71</b>	<b>825,65</b>	<b>32,98</b>	<b>1,58</b>	<b>-</b>	<b>19,0</b>	<b>12,4</b>
	Sử dụng vốn NS: 65	550,65	26,98	1,58	-	19,0	6,4
	Sử dụng vốn ngoài NS: 6	275,0	6,0	-	-	-	6,0
<b>8</b>	<b>HUYỆN ĐÔNG GIANG</b>	<b>123,87</b>	<b>1,0</b>	<b>0,1</b>	<b>0,9</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	Sử dụng vốn NS: 43	123,87	1,0	0,1	0,9	-	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 0	-	-	-	-	-	-
<b>9</b>	<b>HUYỆN NAM GIANG : 55</b>	<b>149,87</b>	<b>17,41</b>	<b>-</b>	<b>0,49</b>	<b>16,92</b>	<b>-</b>
	Sử dụng vốn NS: 50	51,53	0,49	-	0,49	-	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 5	98,34	16,92	-	-	16,92	-
<b>10</b>	<b>HUYỆN NÔNG SƠN : 47</b>	<b>66,74</b>	<b>11,43</b>	<b>0,31</b>	<b>10,79</b>	<b>0,33</b>	<b>-</b>
	Sử dụng vốn NS: 41	58,70	10,21	0,31	9,9	-	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 6	8,04	1,22	-	0,89	0,33	-
<b>11</b>	<b>HUYỆN PHƯỚC SƠN : 113</b>	<b>369,82</b>	<b>1,38</b>	<b>1,38</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	Sử dụng vốn NS: 95	93,3	1,20	1,20	-	-	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 18	276,52	0,18	0,18	-	-	-
<b>12</b>	<b>HUYỆN PHÚ NINH: 85</b>	<b>122,89</b>	<b>21,71</b>	<b>19,40</b>	<b>2,31</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	Sử dụng vốn NS: 80	121,49	21,71	19,40	2,31	-	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 5	1,4	-	-	-	-	-
<b>13</b>	<b>HUYỆN DUY XUYỀN: 233</b>	<b>592,04</b>	<b>53,78</b>	<b>37,74</b>	<b>16,04</b>	<b>6,89</b>	<b>-</b>
	Sử dụng vốn NS: 130	251,03	48,75	32,81	15,94	6,89	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 103	341,01	5,03	4,93	0,1	-	-
<b>14</b>	<b>HUYỆN HIỆP ĐỨC : 183</b>	<b>206,32</b>	<b>15,67</b>	<b>13,6</b>	<b>2,07</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	Sử dụng vốn NS: 174	104,74	9,64	7,69	1,95	-	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 9	101,58	6,03	5,91	0,12	-	-
<b>15</b>	<b>HUYỆN NÚI THÀNH: 199</b>	<b>1.042,5</b>	<b>89,06</b>	<b>47,9</b>	<b>356,16</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	Sử dụng vốn NS: 120	384,95	34,70	29,09	5,61	-	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 79	657,55	54,36	18,81	35,55	-	-



<b>16</b>	<b>HUYỆN QUẾ SƠN: 192</b>	<b>253,96</b>	<b>40,22</b>	<b>35,39</b>	<b>4,83</b>		
	Sử dụng vốn NS: 170	182,52	22,27	17,46	4,81	-	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 22	71,44	17,95	17,93	0,02	-	-
<b>17</b>	<b>HUYỆN TÂY GIANG: 35</b>	<b>165,34</b>	<b>39,35</b>	<b>1,73</b>	<b>1,4</b>	<b>36,22</b>	<b>-</b>
	Sử dụng vốn NS: 32	119,83	37,05	0,33	0,5	36,22	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 3	45,51	2,3	1,4	0,9	-	-
<b>18</b>	<b>HUYỆN TIÊN PHƯỚC: 132</b>	<b>180,79</b>	<b>25,1</b>	<b>16,56</b>	<b>8,54</b>		
	Sử dụng vốn NS: 125	169,39	19,91	12,31	7,6	-	-
	Sử dụng vốn ngoài NS: 7	11,4	5,19	4,25	0,94	-	-

(Chi tiết tại Phụ lục số Phụ lục 2, 2a đính kèm Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh)

## **Điều 2. Giao trách nhiệm thực hiện:**

### **1. Sở Tài nguyên và Môi trường:**

- Chủ trì, hướng dẫn các địa phương căn cứ danh mục, diện tích được HĐND tỉnh thông qua tại Điều 1 Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh, hoàn chỉnh hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2018 trình UBND tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định Luật Đất đai năm 2013; phối hợp với các Sở, Ban, ngành, đơn vị, địa phương kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng.

- Tham mưu UBND tỉnh cho phép thực hiện thủ tục đất đai năm 2018 và cập nhật KHSD đất năm 2019 đối với danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và danh mục thu hồi đất tại Khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh sau khi được Thường trực HĐND tỉnh thẩm tra, thống nhất bằng văn bản.

- Kiểm tra, rà soát cụ thể, tổng hợp các danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của hộ gia đình, cá nhân trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định (Theo Phụ lục 5 và 5a Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh).

- Đối với các dự án động lực, lan tỏa tại vùng Đông của tỉnh, dự án thuộc địa bàn Khu Kinh tế mở Chu Lai: Căn cứ kết quả phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch Khu Kinh tế mở Chu Lai, tiến hành thực hiện thủ tục đất đai theo đúng quy định của pháp luật.

- Chỉ tham mưu trình bổ sung danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và danh mục dự án thu hồi đất hàng năm tại kỳ họp giữa năm (trừ những dự án HĐND tỉnh giao Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo rà soát tại kỳ họp này).

- Theo dõi, báo cáo kết quả thực hiện việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng theo quy định.

**2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, giám sát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, đặc biệt là đất chuyên trồng lúa nước, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng ở các địa phương.

3. Các Sở, Ban, ngành có liên quan phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường có kế hoạch triển khai thực hiện các danh mục dự án đã được phê duyệt của ngành, đơn vị mình; theo dõi, giám sát việc thực hiện các danh mục chung đã được HĐND tỉnh thông qua.

#### 4. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Căn cứ vào danh mục dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2018 và kết quả thẩm định kế hoạch sử dụng đất năm 2018, khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của địa phương trình UBND tỉnh phê duyệt; thực hiện việc công bố, công khai và triển khai thực hiện các thủ tục đất đai, đầu tư theo quy định pháp luật.

- Đối với danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng tại Khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 chưa được HĐND tỉnh thông qua bao gồm: Dự án chưa đảm bảo thông tin; dự án kinh doanh thương mại, dịch vụ, du lịch có sử dụng đất lúa; dự án khu đô thị, khu dân cư kết hợp với tái định cư, khu dân cư kết hợp phát triển đô thị; dự án khai thác quỹ đất trên đất trồng lúa, đất dọc theo quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ; dự án nghĩa trang nhân dân nằm ở địa bàn trung tâm thành phố, thị trấn, đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát chặt chẽ về cơ sở pháp lý, nguồn vốn đầu tư của từng dự án đảm bảo tính khả thi để báo cáo, làm rõ thông tin khi Thường trực HĐND tỉnh có yêu cầu và chỉ được triển khai thực hiện khi đảm bảo các thủ tục pháp lý theo quy định.

- Các dự án UBND cấp huyện đề nghị bổ sung danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng phải có ý kiến của Thường trực HĐND cùng cấp trước khi trình cơ quan cấp trên; đồng thời, tăng cường kiểm tra giám sát việc quản lý, sử dụng đất trên địa bàn.

- Quán triệt nguyên tắc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả. Không sử dụng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất cao, sản xuất hiệu quả, ổn định để khai thác quỹ đất, sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

- Đối với các danh mục dự án đã phê duyệt tại Quyết định này nhưng chưa được thể hiện trong quy hoạch sử dụng đất của địa phương được UBND tỉnh phê duyệt thì phải rà soát, bổ sung vào kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của cấp huyện.

- Chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý, tính khả thi khi đề xuất các dự án cho mục đích sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đất ở có sử dụng đất trồng lúa nước ở địa phương mình.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm và các danh mục dự án đã được HĐND tỉnh thông qua. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc đăng ký đối với những danh mục dự án đã được HĐND tỉnh thông qua, đưa vào kế hoạch sử dụng đất liên tiếp 02 năm mà không triển khai thực hiện và có hướng xử lý cụ thể.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tham mưu trình UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ TN & MT (B/c);
- TTTU, HĐND tỉnh (B/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTN.

D:\Dropbox\TAI 2018\QĐ UBND\0121 QĐ chỉ triển khai HQ 49  
về đánh mục tiêu học tập, chuyên mục đích và dùng đạt được

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Huynh Khánh Toàn**